TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 10 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hải Yến và ông Đào Tiến Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1992; nơi ĐKHKTT: Thôn Th, xã Th1 (nay là Tổ dân phố Th, thị trấn T), huyện Th, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Cầu thang 1 E2, tập thể B, quận B, thành phố Hà Nội;

- Bị đơn: Anh Hồ Đức Đ, sinh năm 1988; nơi ĐKHKTT: Thôn Th, xã Th1 (nay là Tổ dân phố Th, thị trấn T), huyện Th, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: (355-0002), 2464-22 H, H1, S, Japan;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hồ Đức H1, sinh năm 1961 và bà Lê Thị N, sinh năm 1964; cùng nơi cư trú: Thôn Th, xã Th1 (nay là Tổ dân phố Th, thị trấn T), huyện Th, tỉnh Hà Nam;

+ Anh Bùi Đức H2, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số 24, Ng, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện theo ủy quyền của anh Hiếu: Chị Trần Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: Cầu thang 1 E2, tập thể B, quận B, thành phố Hà Nội (Theo Giấy ủy quyền ngày 08/7/2022);

Phiên tòa có mặt anh Đ, chị H; vắng mặt ông H1, bà N, anh H2 (đều có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của chị Trần Thị Hương trình bày:

Chị Trần Thị H và anh Hồ Đức Đ kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th1 (nay là thị trấn T), huyện Th, tỉnh Hà Nam ngày 03/12/2010. Quá trình chung sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị H và anh Đ sống ly thân từ năm 2016, do anh Đ thường vắng mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì, ở đâu chị H không được biết, mỗi người sống một nơi. Đầu năm 2019, anh Đ đi lao động tại Nhật Bản, từ đó chị H và anh Đ không liên lạc với nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh Hồ Đức Đ.

Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Hồ Đức Đ có 02 con chung là cháu Hồ Tuyết Q, sinh ngày 10/9/2011 và cháu Hồ Quang A, sinh ngày 07/8/2013. Khi ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giao cho anh Hồ Đức Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu Hồ Tuyết Q, Hồ Quang A. Chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ số tiền 500.000 đồng/tháng/cháu; hai cháu là 1.000.000 đồng, cho đến khi cháu Q, cháu A đủ 18 tuổi.

Về con riêng: Chị Trần Thị H có 01 con riêng là cháu Bùi Trần Linh S, sinh ngày 02/7/2020. Cháu Bùi Trần Linh S là con riêng của chị Trần Thị H và anh Bùi Đức H2, theo Giấy chứng sinh số 02706/2020 ngày 02/7/2020 của Bệnh viện Đa khoa quốc tế Thu Cúc và Kết quả xét nghiệm ADN số 169.GE.20/DNA ngày 07/7/2020 của Chi nhánh Viện công nghệ ADN và phân tích di truyền. Chị H đề nghị Tòa án xác định cháu Bùi Trần Linh S là con riêng của chị H.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Trần Thị H và anh Hồ Đức Đ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Hồ Đức Đ trình bày:*

Anh Đ xác nhận thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 2015, chị H đi lao động tại Nhật Bản. Năm 2016, anh Đ đi lao động tại Nhật Bản. Khi sang Nhật Bản, anh Đ và chị H không sống cùng nhau, mỗi người ở một nơi. Anh Đ phát hiện chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác và chị H đã thừa nhận. Từ đó, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và không quan tâm gì đến nhau. Anh Đ và chị H sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh Đ nhất trí, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Anh Đ và chị H có 02 con chung như chị H trình bày là đúng. Từ khi vợ chồng đi lao động ở nước ngoài, hai cháu Q, A ở cùng với ông bà nội (ông Hồ Đức H1, bà Lê Thị N) ở thị trấn T, huyện Th. Khi ly hôn, anh Đ nhất trí với quan điểm của chị H về giải quyết việc con chung, anh Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung Hồ Tuyết Q, Hồ Quang A và đồng ý chị H cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000 đồng/tháng/cháu, hai cháu là 1.000.000 đồng/tháng.

Về con riêng: Chị H có 01 người con riêng là cháu Bùi Trần Linh S, sinh ngày 02/7/2020. Cháu S tuy được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng nhưng không phải là con chung của anh Đ với chị H vì anh Đ và chị H đã không chung sống cùng nhau từ năm 2015 đến nay. Khi ly hôn, cháu S là con riêng của chị H nên chị H phải có trách nhiệm nuôi dưỡng, anh Đ không liên quan gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị H và anh Đ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Đức H2 trình bày:*

Năm 2016, anh H2 và chị H quen biết nhau, đến năm 2019 thì phát sinh quan hệ tình cảm. Anh H2 khẳng định cháu Bùi Trần Linh S, sinh ngày 02/7/2020 là con chung của anh H2 và chị H. Kết quả xét nghiệm ADN số 169.GE.20/DNA ngày 07/7/2020 của Chi nhánh Viện công nghệ ADN phân tích di truyền kết luận: Anh và cháu Bùi Trần Linh S có quan hệ huyết thống bố - con, độ tin cậy 99,9999%. Anh H2 đề nghị Tòa án công nhận cháu Bùi Trần Linh S là con riêng của chị H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Đức H1, bà Lê Thị N trình bày:*

Sau khi kết hôn, anh Đ và chị H sống chung cùng với nhà chồng. Giữa anh Đ và chị H cũng như giữa chị H với gia đình chồng không có mâu thuẫn gì. Khi chị H và anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, hai cháu Hồ Tuyết Q, Hồ Quang A do vợ chồng ông bà nuôi dưỡng, chăm sóc, tiền nuôi dưỡng các cháu là anh Đ gửi về. Ông bà đồng ý nhận nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Hồ Tuyết Q, Hồ Quang A trong thời gian anh Đ lao động ở Nhật Bản đến khi anh Đ trở về Việt Nam, ông bà sẽ giao hai cháu cho anh Đ nuôi dưỡng.

** Tại phiên tòa:*

Chị Trần Thị H và anh Hồ Đức Đ giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị và đề nghị giao 02 cháu Hồ Tuyết Q và Hồ Quang A cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu trưởng thành, tự lập; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ. Về con riêng: Chị H, anh Đ đề nghị Tòa án xác định cháu Bùi Trần Linh S, sinh

ngày 02/7/2020 không phải là con chung của anh Đ, chị H mà là con riêng của chị H; anh Đ không phải có trách nhiệm nuôi dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị H, anh Đ không có nên không yêu cầu giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp, anh Đ nhất trí chị H tự nguyện nộp toàn bộ.

Ý kiến của cháu Hồ Tuyết Q, Hồ Quang A trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu muốn được ở cùng với bố và ông bà nội.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam; về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Hồ Đức Đ; về con chung: giao anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Hồ Tuyết Q và Hồ Quang A, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ; về con riêng: Giao chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc cháu Bùi Trần Linh S (con riêng của chị H), anh Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu S. Án phí ly hôn sơ thẩm: chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền: Anh Hồ Đức Đ sống ở Nhật Bản nên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết đơn ly hôn của chị H là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37 và Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, anh H2, ông H1, bà N vắng mặt nhưng đều có đơn xin giải quyết vắng mặt và đã có bản tự khai tại Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt anh H2, ông H1, bà N theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Trần Thị H và anh Hồ Đức Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th1 (nay là thị trấn T), huyện Th, tỉnh Hà Nam ngày 03/12/2010, quan hệ hôn nhân này là hợp pháp. Chị H và anh Đ đều xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn tình cảm với nhau, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Xét thấy, tình cảm giữa chị H và anh Đ đã bị rạn nứt trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận thuận tình ly hôn cho chị H và anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh Hồ Đức Đ và chị Trần Thị H có 02 con chung là cháu Hồ Tuyết Q, sinh ngày 10/9/2011 và cháu Hồ Quang A, sinh ngày 07/8/2013. Tại phiên tòa, chị H và anh Đ thỏa thuận đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 02 cháu Hồ Tuyết Q, Hồ Quang A cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cho đến khi các cháu trưởng thành, tự lập; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ; cháu Hồ Tuyết Q và Hồ Quang A có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, sự thỏa thuận về con chung của chị H và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Q, A. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 cháu Hồ Tuyết Q, Hồ Quang A, cho đến khi các cháu trưởng thành, tự lập; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con riêng: Cháu Bùi Trần Linh S, sinh ngày 02/7/2020, sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Hồ Đức Đ. Tuy nhiên, chị Trần Thị H và anh Hồ Đức Đ đều xác định cháu Bùi Trần Linh S không phải là con chung của anh chị vì cháu S được sinh ra trong thời gian anh chị không chung sống cùng nhau. Đồng thời, căn cứ vào Kết quả xét nghiệm ADN số 169.GE.20/DNA ngày 07/7/2020 của Chi nhánh Viện công nghệ AND, phân tích di truyền kết luận anh Bùi Đức H2 và cháu Bùi Trần Linh S có quan hệ huyết thống bố - con, độ tin cậy 99,9999%. Do đó, đủ cơ sở xác định anh Hồ Đức Đ không phải là cha ruột của cháu Bùi Trần Linh S, cháu S là không phải là con chung của anh Đ và chị H mà là con riêng của chị Trần Thị H. Nên chị H phải có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Trần Linh S cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập; anh Hồ Đức Đ không phải cấp dưỡng nuôi cháu S.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị Trần Thị H và anh Hồ Đức Đ không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị H và anh Đ phải chịu theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị H và anh Đ thống nhất chị H là người nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 153, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 469 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 121, Điều 122 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Hồ Đức Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Hồ Đức Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hồ Tuyết Q, sinh ngày 10/9/2011 và cháu Hồ Quang A, sinh ngày 07/8/2013, cho đến khi cháu Q, cháu A đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ.

Sau khi ly hôn, chị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, anh Đ và những người trong gia đình không ai được cản trở.

3. Về con riêng: Xác định cháu Bùi Trần Linh S, sinh ngày 02/7/2020 là con riêng của chị Trần Thị H, không phải là con chung của anh Hồ Đức Đ và chị Trần Thị H; giao cho chị Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Trần Linh S cho đến khi cháu S trưởng thành, tự lập; anh Hồ Đức Đ không phải cấp dưỡng nuôi cháu S.

4. Về án phí, chi phí ủy thác tư pháp:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 150.000 đồng, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí, lệ phí chị H đã nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2015/0005707 ngày 10/11/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam, trả lại cho chị H 150.000 đồng.

- Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Trần Thị H phải chịu 600.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2015/0005716, ngày 09/12/2020; 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2015/0005758, ngày 21/7/2021; 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2021/0001614, ngày 02/8/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam. Chị H đã nộp đủ lệ phí ủy thác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho anh Đ, chị H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H2, ông H1, bà N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được

tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện KSND tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND TT.T, huyện Th;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương